

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Bá Tiến

Ông Trần Văn Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 và thông báo tạm dừng phiên Tòa 03/TB-TA ngày 12/3/2020 theo chỉ thị số 02/2020/CT- CA ngày 10/03/2020; thông báo số 08/TB-TA ngày 01/4/2020.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983; địa chỉ: K135/10 Nguyễn Duy Tr, Tổ 48, phường H, quận Ng, TP Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: K135/10 Nguyễn Duy Tr, Tổ 48, phường H, quận Ng, TP Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Ba trình bày:*

Tôi và anh Huỳnh Văn T xây vào năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2014 thì sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng luôn cãi vã, xúc phạm nhau, đánh đập nhau trước mặt con, Vợ chồng đã ly thân phần ai nấy sống từ 03 năm nay, không còn quan tâm nhau nữa. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Nay tôi xác định tình cảm không còn yêu thương anh T nữa nguyện vọng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị B xác định có 02 con tên, Huỳnh Nguyễn Kỳ Nh- sinh ngày 05/03/2010 và Huỳnh Nguyễn Văn A - sinh ngày 04/06/2012. Nếu tòa giải quyết ly hôn chị Byêu cầu nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Văn A còn giao con cháu Huỳnh Nguyễn Kỳ Nh cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị B xác định không có

*Bị đơn anh Huỳnh Văn Ttrình bày: Tôi và cô Bkết hôn vào năm 2008 tại UBND phường H, quận Ng TP Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2016 thì sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tôi hay bị đau lưng nên không làm được việc nặng do đó thu nhập không nhất định, nhiều lúc về nhà cô B luôn có lời nói hờn, nói nhiều, bức tức tôi có đánh cô tuy nhiên không thương tích gì, tôi cũng đã nhiều lần khuyên nhủ để vợ chồng vui vẻ lại nhưng cô B không hợp tác, sau khi tòa hòa giải chúng tôi vẫn không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ ba năm nay nay vì thương các con không bị mất tình cảm cha mẹ và còn yêu thương vợ nên yêu cầu tòa giải quyết đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Anh T xác định có 02 con tên, Huỳnh Nguyễn K Như - sinh ngày 05/03/2010 và Huỳnh Nguyễn Văn A - sinh ngày 04/06/2012. Ly hôn tôi T yêu cầu nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Kỳ Nh còn giao cháu Huỳnh Nguyễn Văn A cho chị B nuôi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam; căn cứ Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị B đối với anh Huỳnh Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị Ba và anh Tây như sau: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Văn A - sinh ngày 04/06/2012 cho chị Ba nuôi dưỡng và giao cháu Huỳnh Nguyễn Kỳ Nh - sinh ngày 05/03/2010 cho anh T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị B và anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị B và anh T không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa anh chị thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị B và anh Huỳnh Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị B cho rằng do tính cách của anh chị không hợp nhau, nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, kể cả đánh đập nhau trước mặt con, nên từ đó lạnh nhạt tình cảm với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, nay chị Ba xác định không còn yêu thương anh T nữa chị xin được ly hôn, còn anh T cho rằng nguyên nhân do anh hay bị đau lưng nên không làm được việc nặng, do đó thu nhập không ổn định, nhiều lúc về nhà chị B luôn có lời nói hờn, nói nhiều bức tức anh có đánh chị B tuy nhiên không thương tích gì, sau khi tòa hòa giải anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng cũng

đã sống ly thân nhau như chị B đã trình bày là đúng, nay vì thương các con và còn thương vợ nên yêu cầu tòa giải quyết đoàn tụ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai anh chị đã không còn giữ được điều này. Mặt khác bản thân cả chị B và anh T cũng đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân nhau từ ba năm

nay, đây là khoảng thời gian quá dài, càng tạo thêm rạn nứt tình cảm vợ chồng, do đó thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thấy có nín kéo cũng không đem lại kết quả gì nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh T là phù hợp với điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với yêu cầu của anh T HĐXX không chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị B và anh T có 02 cháu, Huỳnh Nguyễn Kỳ Nh và Huỳnh Nguyễn Văn A. Tại phiên tòa chị B và anh T thỏa thuận giao cháu Huỳnh Nguyễn Văn A - sinh ngày 04/6/2012 cho chị B nuôi dưỡng đủ 18 tuổi và giao cháu Huỳnh Nguyễn Kỳ Nh - sinh ngày 05/03/2010 cho anh T nuôi dưỡng đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Thấy việc thỏa thuận về việc nuôi con và chăm sóc con sau ly hôn của anh chị là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung : Chị B và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ nguyên đơn phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của chị Nguyễn Thị B đối với anh Huỳnh Văn T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Huỳnh Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị B và anh T như sau: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Văn A - sinh ngày 04/06/2012 cho chị Ba nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và giao cháu Huỳnh Nguyễn Kỳ Nh- sinh ngày 05/03/2010 cho anh T nuôi dưỡng đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ chị Nguyễn Thị B phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0009753 ngày 4 tháng 12 năm 2019.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Dương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- UBND phường Hòa Hải quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Lương Thị Anh